TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GB** **TỈNH BN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2024/QĐST-HNGĐ	*GB, ngày 25 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Hủy việc kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GB, TỈNH BN

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ toạ phiên họp: Ông Trần Xuân S – Thẩn phán.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Văn P - Thư ký Tòa án nhân dân huyện GB, tỉnh BN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân huyện GB, tỉnh BN tham gia phiên họp: Ông Phùng Đức D - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện GB, tỉnh BN mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 14/2024/TLSTV-HNGĐ ngày 15/10/2024 về yêu cầu "Huỷ việc kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp số: 01/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 15/11/2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Phạm Đình Q, sinh năm 1994; trú tại: Thôn Đại Lộc, xã XL, huyện GB, tỉnh BN (có mặt).

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Phạm Thị Th (tên gọi khác Nguyễn Trúc Thảo M), sinh năm 1995; trú tại: Thôn Trạch Lộ, xã HK, huyện TK, tỉnh HD. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam PS, TN (xin giải quyết vắng mặt).
- UBND xã XL; Địa chỉ: Xã XL, huyện GB, tỉnh BN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Chủ tịch xã (Xin vắng mặt).

3. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Toà án giải quyết: Huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Phạm Đình Q và chị Phạm Thị Th (tên giả Nguyễn Trúc Thảo M) sinh năm 1995; trú tại: Thôn Trạch Lộ, xã HK, huyện TK, tỉnh HD. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn, Thái Nguyên.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Khoảng tháng 10/2021 thông qua mạng xã hội Facebook, Zalo anh Phạm Đình Q quen biết với chị Phạm Thị Th, Th lấy tên giả là Nguyễn Trúc Thảo M, sinh năm 2000 trú tại tổ 18, đường số 5B, phường Bình Trị Đông B, quận BT,

thành phố H, hiện là sinh viên năm 3 của trường Đại học Y HN, còn độc thân chưa có chồng, con. Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2021 đến tháng 11/2022 Th đã nhiều lần đưa ra các thông tin gian dối để anh Q tin tưởng mà đưa tiền cho Th. Tổng cộng Th đã lừa đảo anh 21 lần để chiếm đoạt số tiền là 626.100.000 đồng. Ngày 16/01/2024 Phạm Thị Th bị Tòa án nhân dân tỉnh BN tuyên xử 13 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 04 năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Qua quá trình giải quyết vụ án trên anh Q được biết, để đăng ký kết hôn với anh, Th đã lên mạng thuê người làm giả Căn cước công dân và Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân với tên là Nguyễn Trúc Thảo M, sinh năm 2000 trú tại tổ 18, đường số 5B, phường Bình Trị Đông B, quận BT, thành phố H.

Ngày 14/7/2022 Thảo mang 02 giấy tờ giả trên cùng anh Q đến Ủy ban nhân dân xã XL, huyện GB, tỉnh BN xin đăng ký kết hôn với anh Q. Cùng ngày 14/7/2022 Ủy ban nhân dân xã XL đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54/2022 giữa anh và Nguyễn Trúc Thảo M (tên giả của Th). Nay anh thấy quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Phạm Thị Th là trái pháp luật nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện GB hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị Phạm Thị Th (tên giả là Nguyễn Trúc Thảo M) theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Th trình bày:

Chị và anh Phạm Đình Q kết hôn với nhau ngày 14/7/2022 tại Ủy ban nhân dân xã XL, huyện GB, tỉnh BN. Tuy nhiên, trước khi đăng ký kết hôn với anh Q chị vẫn đang trong quan hệ hôn nhân với anh Lưu Văn T, sinh năm 1997 HKTT tại thôn 8 xã ĐW, huyện CJ, tỉnh ĐN. Do đó để kết hôn được với anh Q Th đã lên mạng tìm người làm giả Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, Căn cước công dân cùng mang tên Nguyễn Trúc Thảo M, sinh ngày 18/3/2000, hộ khẩu thường trú tại tổ 18, đường số 5B, phường Bình Trị Đông B, quận BT, thành phố H. Trên cơ sở các giấy tờ mà Th cung cấp Ủy ban nhân dân xã XL đã tiến hành đăng ký kết hôn cho Th (dưới tên Nguyễn Trúc Thảo M) và anh Phạm Đình Q. Chị Th xác định việc kết hôn giữa chị và anh Q là không hợp pháp do chị lừa dối anh Q. Đối với yêu cầu hủy kết hôn của anh Q chị hoàn toàn nhất trí

Trong thời gian chung sống chị Th và anh Q không có con chung, không phát sinh tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đang chấp hành án tại Trại giam PS không có điều kiện đến Tòa án để tham gia các thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ việc nên chị Th đề nghị xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ việc trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã XL, huyện GB, tỉnh BN trình bày:

Ngày 14/7/2022, Uỷ ban nhân dân xã XL tiếp nhận hồ sơ để làm thủ tục đăng ký kết hôn cho Nguyễn Trúc Thảo M, sinh ngày 18/3/2000, HKTT: tổ 18 đường số 5B, phường Bình Trị Đông B, quận TB thành phố H với Phạm Đình Q, sinh năm 1994, HKTT: Thôn Đại Lộc, xã XL, huyện GB, tỉnh BN. Hồ sơ tiếp nhận có Căn cước công dân (bản phô tô), Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của Nguyễn Trúc Thảo M (bản chính). Khi tiếp nhận hồ sơ do Công chức Tư pháp - Hộ tịch đã sơ xuất không kiểm tra kỹ Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của công dân Nguyễn Trúc Thảo M, mà chỉ đối chiếu thông tin họ tên, ngày, tháng, năm

sinh và nơi cư trú trùng với thông tin họ tên, ngày, tháng, năm sinh và nơi cư trú trong căn cước công dân của công dân Nguyễn Trúc Thảo M và tình trạng hôn nhân (Chưa kết hôn với ai). Từ đó nhận thấy hồ sơ đã hợp lệ, người yêu cầu đăng ký kết hôn đủ điều kiện kết hôn và UBND xã đã tiếp nhận hồ sơ đề nghị đăng ký kết hôn của công dân tên Nguyễn Trúc Thảo M và Phạm Đình Q và cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2022 ngày 14/7/2022 giữa Nguyễn Trúc Thảo M và Phạm Đình Q.

Sau khi làm việc với Cơ quan điều tra, Uỷ ban nhân dân xã XL mới được biết Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và Căn cước công dân do Nguyễn Trúc Thảo M cung cấp là giả.

Ủy ban nhân dân xã XL đề nghị Tòa án nhân dân huyện GB hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2022 ngày 14/7/2022 giữa Nguyễn Trúc Thảo M và anh Phạm Đình Q.

Tại phiên họp Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GB phát biểu quan điểm giải quyết vụ việc, đề nghị: Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 8, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 3, 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Các Điều 29, 35, 39, 149, 361, 366, 367, 370, 371, 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 30 Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Phạm Đình Q và chị Phạm Thị Th (dưới tên giả là Nguyễn Trúc Thảo M) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2022 ngày 14/7/2022 do Ủy ban nhân dân xã XL cấp.

Anh Phạm Đình Q có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm để thực hiện việc ghi vào Sổ hộ tịch theo Luật hộ tịch.

2. Về lệ phí: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Toà án nhân dân huyện GB nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xem xét đơn yêu cầu của anh Phạm Đình Q. Xét thấy việc đăng ký kết hôn trái pháp luật được thực hiện tại UBND xã XL, huyện GB, tỉnh BN nên Tòa án nhân dân huyện GB đã tiến hành thụ lý việc dân sự "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên họp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị Th và UBND xã XL, huyện GB, tỉnh BN do ông Nguyễn Văn Hoa- Chủ tịch UBND xã là người đại diện theo pháp luật vắng mặt nhưng đều có đơn xin giải quyết vắng mặt và đều có ý kiến trình bày cụ thể trong hồ sơ do vậy phiên họp vẫn được tiến hành theo quy định tại khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về nội dung: Chị Phạm Thị Th đang có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Lưu Văn Tân, sinh năm 1997 trú tại thôn 8, xã ĐW, huyện CJ, tỉnh ĐN (kết hôn ngày 25/10/2019).

Để đạt được mục đích kết hôn với anh Phạm Đình Q theo các thông tin cá nhân trước đó mà Th từng nói với anh Qu nên Th đã lên mạng thuê người làm giả Căn cước công dân và Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là độc thân với tên Nguyễn Trúc Thảo M, sinh năm 2000 trú tại tổ 18, đường số 5B, phường Bình Trị Đông B, quận BT, thành phố H và dùng các giấy tờ trên để thực hiện việc đăng ký kết hôn với anh Q tại UBND xã XL, huyện GB, tỉnh BN.

Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn với anh Q, Phạm Thị Th đã có chồng, con và chưa ly hôn; đồng thời Thảo có hành vi cố ý làm giả căn cước, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là chưa kết hôn với ai để lừa dối, làm cho anh Q hiểu sai lệch về nhân thân và tình trạng hôn nhân của mình dẫn đến việc đồng ý kết hôn với Th. Đây là hành vi lừa dối kết hôn và vi phạm chế độ một vợ một chồng thuộc trường hợp cấm kết hôn quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 5 và vi phạm điều kiện kết hôn quy định tại điểm d khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm b, c khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"2. Cấm các hành vi sau đây:

b) Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn;

c) Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ"

Điểm d khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Nam nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây:

d) Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 5 của Luật này."

Tại khoản 3, 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"Điều 2. Căn cứ hủy việc kết hôn trái pháp luật

3. "Lừa dối kết hôn" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Luật hôn nhân và gia đình là hành vi cố ý của một bên hoặc của người thứ ba nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệch và dẫn đến việc đồng ý kết hôn; nếu không có hành vi này thì bên bị lừa dối đã không đồng ý kết hôn.

4. "Người đang có vợ hoặc có chồng" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 của Luật hôn nhân và gia đình là người thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người đã kết hôn với người khác theo đúng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nhưng chưa ly hôn hoặc không có sự kiện vợ (chồng) của họ chết hoặc vợ (chồng) của họ không bị tuyên bố là đã chết;"

Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Q, Toà án nhân dân huyện GB xác định có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của anh Q, cần phải tuyên huỷ việc kết hôn giữa anh Phạm Đình Q và chị Phạm Thị Th (tên đăng ký kết hôn là Nguyễn Trúc Thảo M).

[3] Về các vấn đề khác và lệ phí:

Quá trình chung sống giữa Phạm Thị Th và anh Phạm Đình Q cả hai bên đều xác nhận chưa phát sinh quan hệ tài sản chung và con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Phạm Đình Q phải chịu toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 8, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 29, 35, 39, 149, 361, 363, 365, 366, 367, 370, 371, 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3, 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Điều 3, Điều 30 Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Đình Q.

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Phạm Đình Q và chị Phạm Thị Th (dưới tên giả là Nguyễn Trúc Thảo M) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2022 ngày 14/7/2022 do Ủy ban nhân dân xã XL cấp.

Anh Phạm Đình Q có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc ghi vào Sổ hộ tịch theo Luật hộ tịch.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp: Anh Phạm Đình Q phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí sơ thẩm, xác nhận anh Quang đã nộp đủ 300.000 đồng tạm ứng lệ phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0002828 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GB, tỉnh BN.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Toà án ra quyết định. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh BN;*
- *VKSND huyện GB;*
- *Chi cục THADS huyện GB;*
- *UBND xã XL;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, văn phòng.*

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Xuân S